

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
(MECO JSC)

..... @

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2019

Báo cáo gồm có:

- 1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất – Mẫu số B01-DN*
- 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất – Mẫu số B02-DN*
- 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất – Mẫu số B03-DN*
- 4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất – Mẫu số B09-DN*

HÀ NỘI – 2019



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 09 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		855.119.719.162	677.226.668.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.703.188.807	6.741.307.327
1. Tiền	111	V.01	2.703.188.807	6.741.307.327
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	10.742.932.800	10.265.017.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		342.250.000	342.250.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	122		(99.317.200)	(77.232.400)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10.500.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		509.262.586.066	350.879.028.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	463.075.498.181	398.082.927.951
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		124.948.115.853	64.259.629.494
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.500.000.000	
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	223.297.700.055	197.115.268.466
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(309.822.734.085)	(308.842.803.123)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	264.006.062	264.006.062
IV. Hàng tồn kho	140		327.607.253.914	307.423.486.674
1. Hàng tồn kho	141	V.07	415.512.611.463	394.117.161.165
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(87.905.357.549)	(86.693.674.491)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.803.757.575	1.917.827.680
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	50.971.923	57.616.409
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.752.785.652	1.860.211.271
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		1.105.549.108.881	988.104.550.241
I. Tài sản cố định	220		480.517.901.063	500.346.333.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	480.517.901.063	500.346.333.067
- Nguyên giá	222		646.007.270.538	634.209.271.532
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(165.489.369.475)	(133.862.938.465)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	617.370.652.433	458.409.037.544
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		617.370.652.433	458.409.037.544
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	7.278.591.440	29.195.062.944
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.475.062.925	27.395.062.944
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		7.403.528.515	5.400.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3.600.000.000)	(3.600.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		381.963.945	154.116.686
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	310.509.001	73.074.440
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		71.454.944	81.042.246
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.960.668.828.043	1.665.331.218.372

10/01/2019

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

Mẫu số B QI - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)

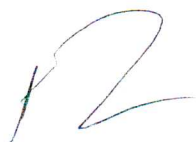
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU NĂM
1	2	3	4	5
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.531.428.685.776	1.266.258.980.295
I. Nợ ngắn hạn	310		837.645.521.667	637.964.657.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	301.608.100.910	230.368.664.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		106.242.944.516	73.921.029.099
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	30.158.465.270	31.298.301.493
4. Phải trả người lao động	314		2.779.727.888	1.733.311.214
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	173.637.223.198	139.503.327.150
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		23.114.528.359	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	110.310.507.993	115.786.725.724
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	80.907.643.000	35.922.643.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.886.380.533	9.430.655.533
II. Nợ dài hạn	330		693.783.164.109	628.294.323.082
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		20.727.272.727	11.681.086.486
2. Phải trả dài hạn khác	337		216.010.625.000	216.010.625.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	456.395.266.382	399.952.611.596
4. Trái phiếu chuyển đổi	339		650.000.000	650.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		429.240.142.267	399.072.238.077
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	429.240.142.267	399.072.238.077
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		575.100.000.000	575.100.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		575.100.000.000	575.100.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		32.960.749.348	32.960.749.348
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(73.426.398.513)	(73.426.398.513)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.817.258.755	28.817.258.755
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(322.233.679.331)	(328.087.683.256)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(323.221.825.664)	(328.087.683.256)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		988.146.333	
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		188.022.212.008	163.708.311.743
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.960.668.828.043	1.665.331.218.372

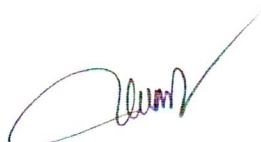
Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU



HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2019

Chi tiêu	Mã số	TM	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	52.329.439.957	22.410.576.974	112.285.441.578	66.917.314.501
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		52.329.439.957	22.410.576.974	112.285.441.578	66.917.314.501
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.03	44.231.422.791	17.534.840.576	92.184.576.683	116.373.264.620
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.098.017.166	4.875.736.398	20.100.864.895	(49.455.950.119)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	239.694.078	4.790.345	685.240.521	3.214.967.346
7. Chi phí tài chính	22	VI.05	3.777.224.892	5.406.909.040	11.285.079.949	14.192.476.294
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.795.606.018	5.101.137.262	11.199.100.973	12.704.167.629
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, LD	24		88.151.056	-	-	(664.346)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.08	-	-	-	1.550.150
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	2.254.269.028	887.960.128	5.899.136.847	99.138.266.926
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.394.368.380	(1.414.342.425)	3.601.888.620	(159.573.940.489)
12. Thu nhập khác	31	VI.06	(95.100.870)	112.696.399	36.329.608	9.463.327.293
13. Chi phí khác	32	VI.07	1.311.121.177	175.462.075	1.313.756.860	182.978.085
14. Lợi nhuận khác	40		(1.406.222.047)	(62.765.676)	(1.277.427.252)	9.280.349.208
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		988.146.333	(1.477.108.101)	2.324.461.368	(150.293.591.281)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	-	66.905.346	-	66.905.346
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	68.427.415	7.989.418	(73.052.828)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		988.146.333	(1.612.440.862)	2.316.471.950	(150.287.443.799)
19. LN sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		909.789.150	(1.451.855.851)	4.598.071.879	(150.024.982.587)
20. LN sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		78.357.183	(160.585.011)	(2.281.599.929)	(262.461.212)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		17	(28)	88	(2.882)
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

CHỦ TỊCH HĐQT



NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CP CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (MECO JSC)

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

Điện thoại: (04).3 869 3434 - Fax: (04).3 869 1568

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 3 năm 2019

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	LƯỠI KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1	2	3	4	5
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.580.393.414	(150.293.591.281)
2. Điều chỉnh cho các khoản			44.777.937.408	177.320.695.365
- Khấu hao TSCD	02		35.787.391.194	17.318.836.819
- Các khoản dự phòng	03		2.213.698.820	150.123.839.585
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		35.116.340	426.613.327
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.457.369.919)	(3.252.761.995)
- Chi phí lãi vay	06		11.199.100.973	12.704.167.629
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		48.358.330.822	27.027.104.084
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(162.254.464.675)	80.522.238.400
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(21.395.450.298)	21.219.239.041
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		199.717.682.371	195.431.305.099
- Tăng giảm chi phí trả trước	12		(230.790.075)	18.086.520
- Tiền lãi vay đã trả	14		(41.619.171.230)	(76.549.190.431)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.277.991.957)	(125.566.103)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(544.275.000)	(567.638.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.753.869.958	246.975.578.610
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21		(152.093.120.937)	(56.266.317.128)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCD và các tài sản dài hạn khác	22		3.799.999.999	363.636.364
- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		21.916.471.504	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		657.369.920	3.199.323.333
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(126.219.279.514)	(52.703.357.431)
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
- Tiền thu từ đi vay	33		130.876.854.786	155.088.847.880
- Tiền trả nợ gốc vay	34		(29.449.200.000)	(344.075.313.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		101.427.654.786	(88.986.465.408)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4.037.754.770)	5.285.755.771
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.741.307.327	11.472.597.704
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(363.750)	(291.737)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		2.703.188.807	16.758.061.738

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 năm 2019

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, dịch vụ, sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Về cơ khí và điện: chế tạo, sửa chữa, lắp đặt thiết bị phụ tùng cơ khí phục vụ cho ngành nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và xây dựng; Chế tạo thiết bị nâng hạ máy và thiết bị dây chuyền chế biến nông sản: cà phê, mía, đường, chè; Lắp ráp xe tải nhỏ phục vụ nông thôn; Thiết kế và sản xuất các loại bơm đến 8.000m³/h; Xây lắp đường dây và trạm biến thế đến 35KV; Chế tạo tủ điện hạ thế, tủ điều khiển trung tâm phục vụ thủy lợi và công nghiệp chế biến; Sản xuất và kinh doanh điện;
 - Về xây dựng: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn; xây dựng công trình thủy lợi: hồ đầu mối, kênh mương, kè và đập; Xây lắp các công trình dân dụng, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, nước sạch nông thôn và vệ sinh môi trường; Chế tạo vỏ bọc che công trình công nghiệp; Đào đắp đất đá, san lấp mặt bằng, phát triển hạ tầng;
 - Về thương mại và dịch vụ: kinh doanh nội địa và xuất nhập khẩu các loại vật tư máy móc thiết bị, hóa chất phục vụ nông nghiệp (trừ Hóa chất Nhà nước cấm) và chế biến nông sản; Kinh doanh lương thực, thực phẩm và nông lâm sản; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, gương, kính, ván nhân tạo; Cho thuê nhà ở, văn phòng làm việc, kho bãi, nhà xưởng; Kinh doanh khách sạn và dịch vụ lữ hành (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, vũ trường, quán bar);
 - Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Khai thác khoáng sản, tài nguyên; Khai thác vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi) bao gồm cả khảo sát, thăm dò và chế biến (trừ các Khoáng sản Nhà nước cấm);
 - Khoan phụt vữa, xi măng, gia cố chống thấm và xử lý nền móng công trình xây dựng; Chống thấm nền và thân đê, than đập công trình thủy lợi, thủy điện;
 - Nạo vét sông ngòi, cửa sông, cửa biển; Sản xuất bê tông đầm lăn và bê tông các loại; Xây dựng giao thông đường bộ và đường sắt; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Thí nghiệm vật liệu xây dựng;
 - Chế tạo, lắp đặt thiết bị và phụ tùng công trình thủy lợi và thủy điện; Chế tạo, lắp đặt và sửa chữa công trình nhà máy chế biến sản phẩm nông lâm nghiệp; chế tạo và lắp đặt công trình khung nhà kết cấu thép;
 - Đầu tư kinh doanh nhà máy thủy điện, khu đô thị, hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà cao tầng;
 - Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu điện và kim khí khác; Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy xây dựng; Kinh doanh phương tiện vận tải; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng; Kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư; Cho thuê máy móc thiết bị; Kinh doanh đại lý xăng dầu; Đại lý ký gửi hàng hóa;
 - Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở, giáo dục trung học phổ thông, giáo dục trung học chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học; Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn trong lĩnh vực: kinh doanh và quản lý, máy tính, xây dựng, công nghệ kỹ thuật mỏ địa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

và chế biến lương thực, thực phẩm (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội, ngoại thất: đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng;
- Thiết kế công trình thủy điện, thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị cơ khí công trình thủy điện;
- Giám sát thi công xây dựng loại công trình dân dụng và công nghiệp, thủy điện trong lĩnh vực chuyên môn giám sát: Xây dựng và hoàn thiện;
- Môi giới bất động sản;
- Định giá bất động sản;
- Sàn giao dịch bất động sản;
- Tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh và hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Hoạt động tư vấn quản lý (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

6. Cấu trúc tập đoàn

- Tổng số các Công ty con: 05
- + Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 05
- + Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0
- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

+ Công ty CP đầu tư thủy điện An pha

Địa chỉ: Số 214, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 57,41 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51 %

+ Công ty CP đầu tư và phát triển điện MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 64,59 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 64,59 %

+ Công ty CP khoáng sản MECO

Địa chỉ: Thôn Đồng Lạt, Xã Trung Sơn, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hòa Bình

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 92,05 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 92,05 %

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

+ Công ty CP cơ khí Văn Lâm

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Ngọc Loan, Xã Tân Quang, Huyện Văn Lâm, Tỉnh Hưng Yên

Tỷ lệ phần sở hữu: 100 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 100 %

+ Công ty CP Bất động sản MECO

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,5 %

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 67,5 %

- Danh sách các Công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

+ Công ty CP XD thủy lợi MECO Sài Gòn

Địa chỉ trụ sở chính: 205 Nguyễn Xí, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Tỷ lệ phần sở hữu: 28,05 %

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 28,05 %

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính 2019 là năm tài chính thứ 14 của Công ty kể từ khi chuyển đổi hình thức sang Công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh: được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)

- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

c) Các khoản cho vay: Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết: được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của Công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi (nếu có) được lập vào cuối niên độ kế toán.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh to việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	7 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 10

Tài sản cố định khác 4 - 6

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Riêng chi phí đi vay để đầu tư xây dựng dự án khu nhà ở cao tầng và văn phòng Dự án tại 102 Trường Chinh được vốn hóa vào giá trị công trình.

7. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Riêng đối với công cụ dụng cụ được phân loại lại do không đủ tiêu chuẩn là Tài sản cố định theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ trừ các trường hợp chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiền hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp, riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng, khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí sản xuất chung.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế TNDN sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động xây lắp: các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

Doanh thu kinh doanh bất động sản được ghi nhận khi hợp đồng chuyển nhượng đã được hai bên ký kết và bàn giao mốc giới.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập khác gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn của hoạt động chuyển nhượng đất có hạ tầng được xác định theo dự toán đầu tư.

Đối với hoạt động xây lắp: giá vốn được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh nhưng không vượt quá tỷ lệ khoán trên doanh thu đã ghi nhận trong kỳ đối với từng công trình. Tỷ lệ khoán được xác định theo từng hợp đồng giao khoán giữa Công ty và Xí nghiệp, Chi nhánh và được áp dụng nhất quán cho các kỳ trong suốt quá trình thi công từng công trình.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá và các chi phí tài chính khác.

Chi phí tài chính được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói sản phẩm và các chi phí bán hàng khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương và các khoản trích theo lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chi tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

cáo kết quả kinh doanh của tập đoàn cũng được trình bày riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty con:

Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:

Giá trị ghi sổ khoản đầu tư của Công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được loại trừ toàn bộ.

Số dư các khoản mục phải thu, phải trả, cho vay... giữa các đơn vị trong tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn được loại trừ toàn bộ.

Các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ tập đoàn đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

V- Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế		Đơn vị tính: VND				
1- Tiền				Cuối kỳ	Đầu năm	
- Tiền mặt				1.434.361.134	2.281.582.661	
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn				1.268.827.673	4.459.724.666	
	Cộng			2.703.188.807	6.741.307.327	
2- Các khoản đầu tư tài chính:				Cuối kỳ	Đầu năm	
		Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh:		342.250.000	242.932.800	(99.317.200)	342.250.000	265.017.600
- Tổng giá trị cổ phiếu		342.250.000	242.932.800	(99.317.200)	342.250.000	265.017.600
+ <i>Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội</i>		342.250.000	242.932.800	(99.317.200)	342.250.000	265.017.600
- Số lượng cổ phiếu					Cuối kỳ	Đầu năm
+ <i>Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội</i>					36.808	36.808
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				Cuối kỳ	Đầu năm	
- <i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>						
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình						2.003.528.515
+ Công ty CP XDTL MECO Sài Gòn						8.661.171.084
+ Công ty CP Cơ khí Văn Lâm				(524.937.075)		16.730.363.345
+ Công ty CP Thủy điện Thác Xăng				4.000.000.000		
+ Công ty CP HP land				3.475.062.925		27.395.062.944
	Cộng			3.475.062.925		27.395.062.944
- <i>Đầu tư vào đơn vị khác</i>						
+ Công ty CP ĐT và PT các KCN Hà Tĩnh		1.050.000.000	(1.050.000.000)		1.050.000.000	(1.050.000.000)
+ Công ty CP Cơ điện và XD Hoà Bình		2.003.528.515		2.003.528.515		
+ Công ty CP BP Tư vấn và đầu tư XD		1.800.000.000		1.800.000.000		1.800.000.000
+ Công ty CP Ván nhân tạo Yên Bái		2.550.000.000	(2.550.000.000)		2.550.000.000	(2.550.000.000)
	Cộng	7.403.528.515	(3.600.000.000)	3.803.528.515	5.400.000.000	(3.600.000.000)
						1.800.000.000
3- Phải thu của khách hàng				Cuối kỳ	Đầu năm	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn				447.939.272.573	391.839.815.596	
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				15.136.225.608	6.243.112.355	
<i>Công ty CP Cơ khí Văn Lâm</i>						
<i>Phải thu về tiền cho thuê nhà xưởng và thu khác</i>				15.136.225.608	6.243.112.355	
	Cộng			463.075.498.181	398.082.927.951	
4- Phải thu khác				Cuối kỳ	Đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
a) Ngắn hạn		223.227.294.186	-	197.115.268.466	-	
- Tạm ứng		190.841.478.730		162.274.544.005		
- Ký cược, ký quỹ		40.303.366		15.700.000		
- Phải thu khác		32.345.512.090		34.825.024.461		
b) Dài hạn		70.405.869	-	-	-	
- Phải thu người lao động		70.405.869				
	Cộng	223.297.700.055	-	197.115.268.466	-	
5- Tài sản thiếu chờ xử lý				Cuối kỳ	Đầu năm	
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
a) Tài sản khác			264.006.062		264.006.062	
	Cộng		264.006.062		264.006.062	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

6- Nợ xấu	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	308.802.803.123	-	308.842.803.123	-

7- Hàng tồn kho	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi trên đường	3.768.389.810		4.251.437.607	
- Nguyên liệu, vật liệu	13.523.496.579		29.990.104.918	
- Công cụ, dụng cụ	200.837.311		30.900.000	
- Chi phí SX, KD dở dang	394.897.118.191	86.693.674.491	357.600.170.580	86.693.674.491
- Thành phẩm	790.614.411		94.211.080	
- Hàng hóa	2.213.635.866		2.031.817.685	
- Hàng gửi bán	118.519.295		118.519.295	
Cộng	415.512.611.463	86.693.674.491	394.117.161.165	86.693.674.491

8- Tài sản dở dang dài hạn Xây dựng cơ bản dở dang	Cuối kỳ		Đầu năm	
			Cuối kỳ	Đầu năm
- Mua sắm			614.138.517	1.223.229.426
- XDCB			616.756.513.916	457.185.808.118
Dự án khu đô thị MECO - CITY			107.304.540	107.304.540
Dự án Suối Choang - Nghệ An			39.512.229.936	23.960.404.939
Dự án thủy điện Nậm Hóa			570.756.022.810	426.737.142.009
Dự án mỏ đá Hòa Bình			6.380.956.630	6.380.956.630
Cộng			617.370.652.433	458.409.037.544

9- Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	379.578.287.412	240.829.275.059	13.403.674.730	398.034.331	634.209.271.532
- Mua trong kỳ	-	-	92.150.000		92.150.000
- Tăng khác		19.620.755.603	773.345.682	128.737.918	20.522.839.203
- Thanh lý, nhượng bán	(6.131.851.720)	(2.627.092.384)	-		(8.758.944.104)
- Giảm khác		(58.046.093)			(58.046.093)
Số dư cuối kỳ	373.446.435.692	257.764.892.185	14.269.170.412	526.772.249	646.007.270.538
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	38.719.615.843	81.361.264.222	13.384.024.069	398.034.331	133.862.938.465
- Khấu hao trong kỳ	7.880.208.316	8.860.884.794	65.725.662	3.176.624	16.809.995.396
- Thanh lý, nhượng bán	(2.038.708.965)	(2.105.251.219)	-		(4.143.960.184)
- Tăng, giảm khác	-	18.061.488.822	773.345.682	125.561.294	18.960.395.798
Số dư cuối kỳ	44.561.115.194	106.178.386.619	14.223.095.413	526.772.249	165.489.369.475
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	340.858.671.569	159.468.010.837	19.650.661	-	500.346.333.067
- Tại ngày cuối kỳ	328.885.320.498	151.586.505.566	46.074.999	-	480.517.901.063

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay

480.898.817.510

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

64.537.017.046

10- Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng

Cuối kỳ

Đầu năm

50.971.923

57.616.409

b) Dài hạn

- Các khoản khác

310.509.001

73.074.440

Cộng

361.480.924

130.690.849

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11- Vay và nợ thuê tài chính**

	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	80.907.643.000	80.907.643.000	72.394.200.000	27.409.200.000	35.922.643.000	35.922.643.000
b) Vay dài hạn	456.395.266.382	456.395.266.382	58.482.654.786	2.040.000.000	399.952.611.596	399.952.611.596
<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>33.757.220.000</i>	<i>33.757.220.000</i>	<i>1.200.000.000</i>	<i>2.040.000.000</i>	<i>34.597.220.000</i>	<i>34.597.220.000</i>
<i>Trên 5 năm</i>	<i>422.638.046.382</i>	<i>422.638.046.382</i>	<i>57.282.654.786</i>		<i>365.355.391.596</i>	<i>365.355.391.596</i>
Cộng	537.302.909.382	537.302.909.382	130.876.854.786	29.449.200.000	435.875.254.596	435.875.254.596

12- Phải trả người bán

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	301.166.421.984	301.166.421.984	229.926.985.074	229.926.985.074
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	441.678.926	441.678.926	441.678.926	441.678.926

Công ty CP xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

<i>Phải trả tiền khối lượng thi công</i>	<i>441.678.926</i>	<i>441.678.926</i>	<i>441.678.926</i>	<i>441.678.926</i>
<i>Ứng trước tiền thi công</i>	<i>889.103.000</i>			

Cộng	301.608.100.910,00	301.608.100.910	230.368.664.000	230.368.664.000
-------------	---------------------------	------------------------	------------------------	------------------------

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	6.513.585.663	13.782.600.659	7.577.918.266	12.718.268.056
- Thuế TNDN	15.802.807.518	12.188.196	1.277.991.957	14.537.003.757
- Thuế TNCN	257.193.725	507.057.474	106.527.706	657.723.493
- Thuế tài nguyên	37.074.501	625.315.725	-	662.390.226
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	140.953.911	164.411.468	164.411.468	140.953.911
- Các loại thuế khác	8.546.686.175	1.074.368.500	8.178.928.848	1.442.125.827
Cộng	31.298.301.493	16.165.942.022	17.305.778.245	30.158.465.270

14- Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn	173.637.223.198	139.503.327.150
- Chi phí lãi vay phải trả	14.130.070.033	21.722.687.148
- Lãi trái phiếu phải trả	105.726.000	105.726.000
- Chi phí công trình	157.781.026.892	116.054.513.729
- Chi phí hỗ trợ di dời	1.620.400.273	1.620.400.273
Cộng	173.637.223.198	139.503.327.150

15- Phải trả khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Kinh phí công đoàn	41.357.725	7.173.558
- Bảo hiểm xã hội	1.196.260.481	868.033.118
- Bảo hiểm thất nghiệp	17.627.030	756.192
- Phải trả về cổ phần hoá	252.180.000	252.180.000
- Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.770.883.026	2.770.883.026
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	106.032.199.731	111.887.699.830
Cộng	110.310.507.993	115.786.725.724

16- Doanh thu chưa thực hiện

	Cuối kỳ	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước	23.114.528.359	
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước	20.727.272.727	11.681.086.486
Cộng	43.841.801.086	11.681.086.486

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

17- Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	575.100.000.000	32.960.749.348	28.817.258.755	(73.426.398.513)	(168.112.601.333)	114.521.236.806	509.860.245.063
- Tăng vốn trong năm trước						47.986.780.000	47.986.780.000
- Lãi trong năm trước					(159.975.081.923)	1.200.294.938	(158.774.786.985)
Số dư đầu năm nay	575.100.000.000	32.960.749.348	28.817.258.755	(73.426.398.513)	(328.087.683.256)	163.708.311.744	399.072.238.078
- Tăng vốn trong kỳ					1.255.932.046	26.595.500.193	27.851.432.239
- Lãi trong kỳ					4.598.071.879	(2.281.599.929)	2.316.471.950
Số dư cuối kỳ	575.100.000.000	32.960.749.348	28.817.258.755	(73.426.398.513)	(322.233.679.331)	188.022.212.008	429.240.142.267

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

Cuối kỳ

Đầu năm

575.100.000.000 575.100.000.000

575.100.000.000 575.100.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu

+ Vốn góp đầu năm

+ Vốn góp cuối năm

Năm nay

Năm trước

575.100.000.000 575.100.000.000

575.100.000.000 575.100.000.000

d) Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu được mua lại

+ Cổ phiếu phổ thông

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

+ Cổ phiếu phổ thông

Cuối kỳ

Đầu năm

57.510.000 57.510.000

57.510.000 57.510.000

57.510.000 57.510.000

5.460.000 5.460.000

5.460.000 5.460.000

52.050.000 52.050.000

52.050.000 52.050.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển

Cuối kỳ

Đầu năm

28.817.258.755 28.817.258.755

18- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

Đô la Mỹ (USD)

Đồng Euro (EUR)

Cuối kỳ

Đầu năm

524,40 788,70

311,76 317,22

b) Nợ khó đòi đã xử lý:

4.857.933.003 4.857.933.003

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Q3/2019

Q3/2018

1- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

a) Doanh thu

- Doanh thu bán hàng

- Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh điện

- Doanh thu khác

28.463.053.896 8.679.174.050

17.955.145.311 (107.057.305)

3.870.871.801 7.043.386.988

2.040.368.949 6.795.973.241

Cộng

52.329.439.957 22.410.576.974

2- Giá vốn hàng bán

- Giá vốn của hàng hoá đã bán

- Giá vốn hoạt động xây dựng

- Giá vốn hoạt động sản xuất kinh doanh điện

- Giá vốn khác

Q3/2019

Q3/2018

27.771.612.900 8.055.547.684

13.497.563.501

9.510.894.054 3.729.257.990

(6.548.647.664) 5.750.034.902

Cộng

44.231.422.791 17.534.840.576

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Q3/2019	Q3/2018
3- Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	239.694.078	4.790.345
Cộng	239.694.078	4.790.345
4- Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	3.795.606.018	5.101.137.262
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	(26.550.574)	334.413.019
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	7.361.600	(33.127.200)
- Chi phí tài chính khác	807.848	4.485.959
Cộng	3.777.224.892	5.406.909.040
5- Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		40.214.647
- Các khoản khác	(95.100.870)	72.481.752
Cộng	(95.100.870)	112.696.399
6- Chi phí khác		
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		123.421.717
- Các khoản bị phạt	77.955.438	52.040.358
- Các khoản khác	1.233.165.739	
Cộng	1.311.121.177	175.462.075
7 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí cho nhân viên	2.051.331.481	334.261.612
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.563.955	12.829.346
- Chi phí đồ dùng văn phòng	4.203.636	17.924.759
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.673.280	
- Thuế phí và lệ phí	3.257.146	1.854.128
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	266.186.922	69.529.410
- Chi phí bằng tiền khác	(100.947.392)	451.560.873
Cộng	2.254.269.028	887.960.128
8- Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.919.881.326	3.937.895.654
- Chi phí nhân công	1.763.761.639	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.788.223.643	3.376.002.726
- Chi phí máy thi công	650.083.387	948.789.178
- Chi phí sản xuất chung	68.308.206.367	8.351.993.609
Cộng	103.430.156.362	16.614.681.167
9- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	988.146.333	(1.477.198.101)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	(319.098.589.420)	(489.736.752.182)
+ Các khoản điều chỉnh tăng	1.222.970.121	(290.096.716)
<i>Phạt vi phạm hành chính</i>	77.955.438	
<i>Các khoản phạt thuế</i>	1.233.165.739	52.040.358
<i>Phần lỗ trong công ty liên kết</i>	(88.151.056)	
<i>Các khoản lãi nội bộ</i>		(342.137.074)
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(320.321.559.541)	(489.446.655.466)
<i>Thu nhập được miễn thuế của công ty con</i>	4.240.648.575	603.893.445
<i>Lỗ từ các năm trước chuyển sang</i>	(324.562.208.116)	(490.050.548.911)
- Tổng thu nhập chịu thuế	(318.110.443.087)	(491.213.860.283)
- Thu nhập chịu thuế của công ty con	241.099.025	
- Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	(318.351.542.111,89)	(491.213.860.283)
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
<i>Thuế TNDN điều chỉnh cho các kỳ trước</i>		66.905.346
- Thuế TNDN phải nộp		66.905.346

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

VII- Những thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:	Kỳ này
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	135.376.354.786
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	29.449.200.000

VIII. Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan (ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Q3/2019	Q3/2018
Tiền lương	466.629.755	452.748.094
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		
Cộng	466.629.755	452.748.094

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn	
Phải trả về khối lượng thi công	11.962.948.182

Tại ngày kết thúc quý, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Xây dựng thủy lợi MECO Sài Gòn		
Ứng trước tiền thi công	889.103.000	
Phải trả các khoản khác	9.900.149	9.900.149
Phải trả khác	137.469.755	137.469.755

2- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) (theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận"):

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp
- Lĩnh vực Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực Kinh doanh Bất động sản
- Lĩnh vực Kinh doanh dịch vụ khác

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Kỳ này					
DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.955.145.311	28.463.053.896		5.911.240.750	52.329.439.957
Tổng DTT về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.955.145.311	28.463.053.896		5.911.240.750	52.329.439.957

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi phí bộ phận	13.497.563.501	27.771.612.900	5.216.515.418	46.485.691.819
KQKD theo bộ phận	4.457.581.810	691.440.996	694.725.332	5.843.748.138
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết				18.151.056
Lợi nhuận từ hoạt động KD				5.931.899.194
Doanh thu hoạt động tài chính				139.694.078
Chi phí tài chính				3.777.224.892
Thu nhập khác				(95.100.870)
Chi phí khác				1.311.121.177
Chi phí thuế TNDN hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế TNDN				988.146.333
Tổng CP phát sinh mua TSCD và các tài sản dài hạn khác				159.053.764.889
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn				16.809.995.396

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.213.122.882.849	298.430.776.166	288.978.170.210	160.136.998.818	1.960.668.828.043
Tổng tài sản	1.213.122.882.849	298.430.776.166	288.978.170.210	160.136.998.818	1.960.668.828.043
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1.260.401.050.772	85.558.195.400	50.071.715.691	135.397.723.913	1.531.428.685.776
Tổng nợ phải trả	1.260.401.050.772	85.558.195.400	50.071.715.691	135.397.723.913	1.531.428.685.776
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	897.774.820.688	295.959.461.121	288.978.170.210	182.618.766.353	1.665.331.218.372
Tổng tài sản	897.774.820.688	295.959.461.121	288.978.170.210	182.618.766.353	1.665.331.218.372
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1.013.115.183.237	85.558.195.400	26.737.655.261	140.847.946.397	1.266.258.980.295
Tổng nợ phải trả	1.013.115.183.237	85.558.195.400	26.737.655.261	140.847.946.397	1.266.258.980.295

3- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 3 năm 2019:

Doanh thu quý này tăng hơn 175,21% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến lợi nhuận tăng tương ứng. Do đẩy nhanh công tác thi công, nghiệm thu và hoạt động cho thuê mặt bằng kinh doanh.

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



Hà Nội ngày 30 tháng 10 năm 2019

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ ĐIỆN VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Ngõ 102, đường Trường Chinh, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chi phí bộ phận	13.497.563.501	27.771.612.900	5.216.515.418	46.485.691.819
KQKD theo bộ phận	4.457.581.810	691.440.996	694.725.332	5.843.748.138
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh liên kết				18.151.056
Lợi nhuận từ hoạt động KD				5.931.899.194
Doanh thu hoạt động tài chính				139.694.078
Chi phí tài chính				3.777.224.892
Thu nhập khác				(95.100.870)
Chi phí khác				1.311.121.177
Chi phí thuế TNDN hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế TNDN				988.146.333
Tổng CP phát sinh mua TSCD và các tài sản dài hạn khác				159.053.764.889
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ CP trả trước dài hạn				16.809.995.396

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Xây lắp	Thương mại	Bất động sản	Dịch vụ khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	1.213.122.882.849	298.430.776.166	288.978.170.210	160.136.998.818	1.960.668.828.043
Tổng tài sản	1.213.122.882.849	298.430.776.166	288.978.170.210	160.136.998.818	1.960.668.828.043
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1.260.401.050.772	85.558.195.400	50.071.715.691	135.397.723.913	1.531.428.685.776
Tổng nợ phải trả	1.260.401.050.772	85.558.195.400	50.071.715.691	135.397.723.913	1.531.428.685.776
Số đầu năm					
Tài sản phân bổ cho bộ phận	897.774.820.688	295.959.461.121	288.978.170.210	182.618.766.353	1.665.331.218.372
Tổng tài sản	897.774.820.688	295.959.461.121	288.978.170.210	182.618.766.353	1.665.331.218.372
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1.013.115.183.237	85.558.195.400	26.737.655.261	140.847.946.397	1.266.258.980.295
Tổng nợ phải trả	1.013.115.183.237	85.558.195.400	26.737.655.261	140.847.946.397	1.266.258.980.295

3- Những thông tin khác:

Giải trình biến động kết quả sản xuất kinh doanh

Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Việt Nam xin giải trình biến động kết quả kinh doanh của Công ty trong quý 3 năm 2019:

Doanh thu quý này tăng hơn 175,21% so với cùng kỳ năm trước dẫn đến lợi nhuận tăng tương ứng. Do đẩy nhanh công tác thi công, nghiệm thu và hoạt động cho thuê mặt bằng kinh doanh.

NGƯỜI LẬP BIỂU

HOÀNG MẠNH TUẤN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

PHẠM THỊ CHINH LƯƠNG



Hà Nội ngày 30 tháng 10 năm 2019

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NGỌC BÌNH